

Bản án số: 132/2026/HS-PT
Ngày 05 - 9 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh.

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Miên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 106/2026/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2026, do có kháng cáo của bị cáo **Trần Tiến L** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 221/2026/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Tiến L** (Tên gọi khác: Không có); sinh ngày 29/6/1988 tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố T, phường Q, tỉnh Thái Nguyên**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Tiến T** (sinh năm 1960) và bà **Trần Thị Thanh H** (sinh năm 1961); có vợ là **Lương Thị Đ** (sinh năm 1990); con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 **Công an tỉnh T** - Có mặt.

Trong vụ án còn có bị hại **Công ty trách nhiệm hữu hạn L1**; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Trần Tiến T** không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 (Công ty L1), địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Thái Nguyên, mã số doanh nghiệp D, đăng ký lần đầu ngày 07/8/2024, ngành nghề kinh doanh là bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên kinh doanh: mua, bán bánh kẹo, mứt, rượu, bia, thuốc lá, nước giải khát, tạp hóa, tạp phẩm...Giám đốc Công ty, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 1989, HKTT: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Thái Nguyên.

Đầu tháng 7/2025, Trần Tiến L đến Công ty L1 xin việc làm. Sau thời gian thử việc, ngày 17/7/2025, L được Công ty L1 ký Hợp đồng lao động số 04/HĐLD/25. Căn cứ Hợp đồng lao động đã ký kết và sự phân công của Giám đốc Công ty, L là nhân viên giao hàng, buổi sáng hàng ngày có nhiệm vụ nhận hàng hóa, hóa đơn tại kho của Công ty, rồi cùng nhân viên lái xe của Công ty chở hàng đi giao cho các cửa hàng tạp hóa, tại khu vực huyện P (cũ), tỉnh Thái Nguyên trong ngày. Khi giao hàng, L được trực tiếp thu, quản lý tiền hàng và phải nộp bàn giao cho kế toán Công ty vào cuối ngày. Trong tháng 7 và tháng 8/2025, L thực hiện việc thu tiền hàng, quản lý tiền hàng và nộp về Công ty Đ3, đúng quy định. Đến tháng 9/2025, do cần tiền để chi tiêu, giải quyết việc cá nhân nên L đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền hàng đã thu được của khách hàng, không nộp cho Công ty L1 theo quy định. Cụ thể:

Lần thứ nhất:

Ngày 07/9/2025, L đến kho của Công ty nhận 22 hóa đơn và hàng hóa kèm theo từ bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1989, trú tại tổ T, phường T, tỉnh Thái Nguyên là nhân viên Kế toán của Công ty (vợ ông Nguyễn Hải Đ1) rồi cùng Ân Mạnh H1, sinh năm 1993, trú tại xóm V, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên là nhân viên lái xe xếp hàng lên xe ô tô của Công ty và đi giao hàng. Tổng giá trị hàng hóa tại 22 hóa đơn (tương ứng với 22 địa điểm giao hàng) là 66.791.000 đồng.

Trong quá trình giao hàng, khi đến cửa hàng T3 tại xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, L giao hàng cho ông Đào Đình H2, sinh năm 1976, trú tại xóm Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên là chủ cửa hàng. Sau khi nhận hàng, ông H2 chuyển khoản cho L toàn bộ số tiền hàng là 5.638.000 đồng từ tài khoản ngân hàng V số 9967833477 của ông H2 để tài khoản ngân hàng M số 0900119778008 của L. Buổi tối cùng ngày, khi đã giao xong hết hàng, L về Công ty nộp cho bà T1 số tiền 61.153.000 đồng của 21 cửa hàng. Đối với số tiền hàng nhận của cửa hàng T3 là 5.638.000 đồng, L chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 08/9/2025, bà T1 phát hiện việc L không nộp tiền hàng của cửa hàng T3 về Công ty nên gọi điện thoại kiểm tra, L đã nói dối về việc ông H2 chưa thanh toán tiền hàng để che giấu việc bản thân chiếm đoạt tiền hàng của Công ty.

Lần thứ hai:

Ngày 14/9/2025, L được Công ty giao nhiệm vụ cùng lái xe Ân Mạnh H1 đi giao hàng tại 23 địa điểm với tổng số tiền hàng là 49.828.000 đồng. L đã thu được số tiền hàng là 43.868.000 đồng tiền mặt (có 02 hóa đơn Lân không giao

được hàng, đã mang hàng về trả lại Công ty với tổng số tiền hàng là 1.640.000 đồng và 02 hóa đơn khách hàng thanh toán chuyển khoản trực tiếp cho bà T1, số tiền là 4.320.000 đồng).

Sau khi giao hàng, theo sự phân công Công ty, L và H1 đến Công ty TNHH Đ4, địa chỉ xã V, tỉnh Bắc Ninh để nhập hàng nước uống đóng chai, trị giá 11.200.000 đồng. Theo sự chỉ đạo của bà T1, L sử dụng số tiền hàng đã thu được nêu trên để thanh toán tiền nhập nước cho Công ty. Sau khi thanh toán tiền nước, số tiền còn lại là 32.668.000 đồng L có trách nhiệm phải nộp về Công ty L1. Tuy nhiên, trên đường về Công ty, L bảo H1 cho dừng xe lại tại 04 cửa hàng mua bán điện thoại di động để sử dụng tiền hàng thu được nạp vào tài khoản game của L gồm: Cửa hàng G, địa chỉ tại thôn P, xã V, tỉnh Bắc Ninh; Cửa hàng G, địa chỉ tại thôn T, xã Y, tỉnh Bắc Ninh; Cửa hàng H3, địa chỉ tại xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên và cửa hàng Đào Tiến S, địa chỉ tại tổ dân phố H, phường V, tỉnh Thái Nguyên. Tại 03 cửa hàng G, Gấu S1 và Hoàng A, L đưa 23.468.000 đồng và nhờ các chủ cửa hàng chuyển khoản trực tiếp cho người bán thẻ game để nạp tiền vào tài khoản game trên điện thoại di động của của L, đến nay không xác định được số tiền cụ thể L đã sử dụng để nạp tiền vào tài khoản tại mỗi cửa hàng nêu trên. Tại cửa hàng Đào Tiến S, L nhờ anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1994, trú tại xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên là chủ cửa hàng chuyển số tiền 6.000.000 đồng từ tài khoản của anh T2 tại Ngân hàng T4 số 19035610039013 đến tài khoản của L tại Ngân hàng M số 0900119778008. Sau khi nhận, L chuyển số tiền này đến tài khoản Ngân hàng B1 số 88847888695 mang tên LE THI KIM CHI để nạp game trên điện thoại di động. Khi về đến Công ty, L bàn giao lại cho ông Đ1 số tiền hàng là 3.200.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là 29.468.000 đồng. Ngày 15/9/2025, L tự ý nghỉ việc, không hoàn trả cho Công ty L1 số tiền hàng đã chiếm đoạt của 02 lần nêu trên là 35.106.000 đồng.

Quá trình điều tra, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Hải Đ2 – đại diện theo pháp luật của Công ty L1 yêu cầu L bồi thường số tiền 35.106.000 đồng. Ông Trần Tiến T (bố đẻ Trần Tiến L) đã bồi thường khắc phục hậu quả cho Công ty L1 số tiền 35.000.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2026/HS-ST ngày 22/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên đã quyết định:

- Về tội danh: Tuyên bố Trần Tiến L phạm tội "Tham ô tài sản".
- Về điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Tiến L 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 15/01/2026.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên việc trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/7/2026 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên:

Đơn kháng cáo của bị cáo được làm và nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về tội danh, cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội.

Về hình phạt cấp sơ thẩm đã đánh giá, áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cân nhắc về nhân thân, tính chất và mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo và quyết định mức hình phạt 07 (bảy) năm tù là phù hợp, đúng pháp luật. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2025 đến tháng 9/2025, **Trần Tiến L** là nhân viên giao hàng của **Công ty L1**. Từ ngày 07/9/2025 đến ngày 14/9/2025, **L** đã lợi dụng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để nhiều lần chiếm đoạt tiền của **Công ty L1**, cụ thể:

- Ngày 07/9/2025, **L** chiếm đoạt số tiền 5.638.000 đồng.

- Ngày 14/9/2025, **L** chiếm đoạt số tiền 29.468.000 đồng.

Tổng số tiền **L** chiếm đoạt của **Công ty L1** là 35.106.000 đồng.

Hành vi do **Trần Tiến L** thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức là **Công ty L1** được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị

cáo yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có bố, mẹ được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Nhì và Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng. Do đó mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp, đảm bảo tính giáo dục cho bị cáo và tính răn đe, phòng ngừa chung.

Xét thấy trong giai đoạn phúc thẩm, không có tài liệu chứng cứ mới để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Tiến L**; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 221/2026/HS-ST ngày 22/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Tiến L** 07 (B) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 15/01/2026.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Bị cáo **Trần Tiến L** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND khu vực 1 - Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 1 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 1 - Thái Nguyên;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh;
- Trại tạm giam số 1 - CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Doanh